

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1079 /STC-TTra

Đắk Nông, ngày 07 tháng 6 năm 2021

V/v Dự thảo Báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung tại Kỳ họp thứ 02 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV và Công văn số 2655/UBND-KTTH ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh về việc đôn đốc gửi nội dung trình tại kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa IV về việc Báo cáo thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021.

Sau khi tổng hợp Báo cáo của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, các tổ chức chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và đã được các Phòng chuyên môn thuộc Sở tham gia góp ý kiến. Sở Tài chính Dự thảo báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021 của tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo cho Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TTra (Tt).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Thị Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của tỉnh Đắk Nông;

Thực hiện Thông báo số 07/TB-HĐND ngày 16/3/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến Danh mục các Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 2, thứ 3 khóa IV; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung trình tại Kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa IV.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021, cụ thể như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP:

Việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP luôn được HĐND và UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt việc thực hiện THTK, CLP trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2021, thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 và Quyết định số 1858/QĐ-

UBND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Đầu năm 2021 các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh xây dựng Chương trình, kế hoạch về THTK, CLP nhằm đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Công tác quán triệt tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức: Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, hội nghị cấp tỉnh, qua hệ thống phát thanh truyền hình, qua các cuộc họp nhằm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và thông qua trang Web, các kỳ họp giao ban của các Sở, Ban, ngành, qua đó Trưởng các phòng ban trong từng đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở, huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền đến cán bộ công chức, viên chức và người lao động; công tác tuyên truyền là nhiệm vụ thường xuyên trong chi bộ, đảng ủy, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả công tác THTK, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP:

- Đầu năm 2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2021. Trên cơ sở đó, các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố, các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước (*sau đây viết tắt là "các cơ quan, đơn vị"*) xây dựng kế hoạch, nội dung và biện pháp THTK, CLP nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực về tài chính, tài sản, đất đai, một số nguồn nhân lực khác.

- Các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra là ban hành các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực như: Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước; quản lý, sử dụng điện năng; quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động; hướng dẫn hoạt động tiêu dùng, sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

- Các doanh nghiệp Nhà nước đã ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2021 để đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ như: Chống lãng phí trong việc mua sắm tài sản Nhà nước thông qua việc đẩy mạnh mua sắm theo phương thức tập trung, áp dụng đối với những tài sản có lượng mua sắm nhiều, giá trị lớn, được sử dụng phổ biến ở các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty. Thực hiện cải cách, thay đổi hệ thống tháng lương, bảng lương mới phù hợp với từng đối tượng cán bộ công nhân viên, người lao động tại các doanh nghiệp.

3. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc THTK-CLP:

- Chỉ đạo kiểm tra, thanh tra THTK, CLP được thực hiện thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân tại các cơ quan, đơn vị; thanh tra cấp trên đối với cấp dưới gồm thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành hoặc qua việc

giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phát huy vai trò làm chủ của công chức trong việc phát hiện tố cáo hành vi tham nhũng và giám sát thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, THTK CLP, phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

- Các doanh nghiệp triển khai thường xuyên công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị trực thuộc về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do NSNN cấp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Các nội quy, quy chế quản lý nội bộ do doanh nghiệp ban hành, lãnh đạo các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc làm căn cứ để áp dụng thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động tại các đơn vị như: sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, tổ chức hội nghị, công tác phí, tiếp khách ...

- Trong kỳ, toàn ngành thanh tra đã triển khai 80 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 153 tổ chức, 59 cá nhân, đã kết thúc 60 cuộc thanh tra. Qua thanh tra, phát hiện 51 tổ chức, 25 cá nhân có sai phạm các dạng về kinh tế với tổng số tiền 13.710,5 triệu đồng. Căn cứ vào nội dung và tính chất sai phạm đã kiến nghị xử lý:

- + Về kinh tế: Kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 2.457,7 triệu đồng, kiến nghị khác 11.252,8 triệu đồng. Ban hành 26 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức và cá nhân với số tiền 160,9 triệu đồng. Tổng số kiến nghị phải thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 2.618,6 triệu đồng, đã thu hồi được 637 triệu đồng, số còn lại chưa thu hồi 1.981,6 triệu đồng.

- + Về hành chính, kỷ luật: Kiến nghị kiểm điểm 22 tổ chức, 17 cá nhân;

- + Về xử lý hình sự: Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra với 02 vụ việc.

- Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- + Về công tác tiếp dân, trong 06 tháng đầu năm 2021 toàn tỉnh đã tiếp 737 lượt với 1.043 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh, giảm 46 lượt chiếm 5,8% và giảm 125 người chiếm 10,7% so với 06 tháng đầu năm 2020.

- + Về công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư, toàn tỉnh đã tiếp nhận 1.386 đơn, có 63 đơn của kỳ trước chuyển sang, tăng 426 đơn chiếm 44,3% so với cùng kỳ, trong đó đơn khiếu nại 122 đơn, tố cáo 88 đơn, kiến nghị, phản ánh đơn không đủ điều kiện xử lý là 1.176 đơn.

- Về công tác phòng, chống tham nhũng:

Việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, trong 06 tháng đầu năm 2021 các cấp, các ngành đã triển khai 07 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt tại 07 cơ quan, đơn vị, đã ban hành kết luận 02 cuộc thanh tra từ kỳ trước chuyển sang.

II. Tình hình, kết quả THTK - CLP 06 tháng đầu năm 2021:

1. Kết quả đạt được:

Số liệu báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm tính đến hết ngày 20/5/2021. Ngày 31 tháng 5 năm 2021 có 41/43 các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội đã tổng hợp báo cáo, có 8/8 huyện, thành phố đã tổng hợp báo cáo, có 12/12 doanh nghiệp nhà nước đã tổng hợp báo cáo. Hầu hết các báo cáo tổng hợp rất sơ sài, không đủ nội dung, thời gian báo cáo tính đến trước 20/5/2021 nhưng vẫn còn một số đơn vị báo cáo chậm và các đơn vị không báo cáo (trong đó: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Văn học nghệ thuật, Hội đồng y) (theo Công văn số 829/STC-TTtra ngày 06/5/2021 của Sở Tài chính), một số đơn vị báo cáo không có Phụ lục số 02 theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Mặc khác, Chương trình THPTK, CLP năm 2021 thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-HĐND, ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. (chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm).

1.1. THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở các văn bản có liên quan hướng dẫn triển khai THPTK, CLP của Trung ương và của UBND tỉnh, các đơn vị đã ban hành Chương trình, kế hoạch THPTK, CLP năm 2021 để làm cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (như xe ô tô, máy móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm...), về định mức tiêu hao nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện, nước ... để phục vụ cho việc quản lý, kiểm soát chi tiêu của đơn vị. Khi có sự thay đổi về định mức, tiêu chuẩn, chế độ các đơn vị đã kịp thời cập nhật sửa đổi định mức cho phù hợp với quy định mới. Việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành đã được cụ thể hóa vào quy chế chi tiêu nội bộ của mỗi cơ quan, đơn vị.

1.2. THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN):

a) THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

- Về tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức: Trong năm 2021, tỉnh đã phân bổ dự toán cho các đơn vị theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về dự toán thu chi NSNN năm 2021. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách những tháng cuối năm 2021.

- Về số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đã thực hiện tiết kiệm ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện theo số Bộ Tài chính giao năm 2021 là 104.650 triệu đồng.

- Về tiết kiệm chi quản lý hành chính trong 06 tháng đầu năm các cơ quan, đơn vị thực hiện là: 2.788 triệu đồng.

- Về tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy) là 1.506 triệu đồng, trong đó: Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi trong 06 tháng đầu năm là 1.170 triệu đồng; Số tiền tiết kiệm được là 46 triệu đồng.

- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức trong 06 tháng đầu năm là 2.608 triệu đồng;

- Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo là 3 triệu đồng.

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia: Theo kế hoạch vốn năm 2021 với tổng số tiền là: 11.127 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vốn kế hoạch: 4.245 triệu đồng, ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 5 thanh toán vốn kế hoạch kéo dài là 1.500 triệu đồng (đã nhập 100% trên hệ thống Tabmis để Kho bạc nhà nước giải ngân kịp thời cho đơn vị).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kế hoạch vốn năm 2021 là: 6.882 triệu đồng, ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 5 thanh toán kế hoạch vốn kéo dài là 2.500 triệu đồng (đã nhập 100% trên hệ thống Tabmis để Kho bạc nhà nước giải ngân kịp thời cho đơn vị).

c) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế trong kế hoạch vốn năm 2021 đến nay đã bố trí vốn đầu tư đúng mục tiêu, tinh thần chỉ đạo của Trung ương và địa phương.

1.3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Thời gian qua, tỉnh đã trang bị xe ô tô của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng tiêu chuẩn và định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020.

- Số lượng ô tô toàn tỉnh là 245 xe, tăng thêm trong kỳ 5 xe và thanh lý điều chuyển 15 xe; số lượng phương tiện sử dụng sai định mức, sai tiêu chuẩn, chế độ là 54 chiếc, số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại là 41 triệu đồng.

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

a) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

a.1) THPTK, CLP trong công tác chủ trương đầu tư và giao dự toán vốn đầu tư:

- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5999/UBND-KTTH ngày 11/12/2019 về hướng dẫn phân bổ vốn và tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2020. Đối với Chương trình MTQG cấp huyện tổ chức thực hiện theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về việc ủy quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện công tác rà soát, bảo đảm 100% các Chương trình, dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Việc phân bổ vốn đầu tư công đảm bảo tuân thủ nguyên tắc,

tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên theo quy định. Qua công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá đối với 100% kế hoạch, Chương trình, dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Về việc giao dự toán, thanh quyết toán vốn đầu tư:

+ Tổng số kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 được HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là: 2.098.553 triệu đồng, bao gồm: 1.841.653 triệu đồng vốn trong nước và 256.900 triệu đồng vốn ODA. Đối với vốn đầu tư do tỉnh quản lý theo Kế hoạch vốn năm 2020 (đã bao gồm số dư kế hoạch năm trước chuyển sang) được UBND tỉnh giao với số tiền là 1.563.025,124 triệu đồng, hết niên độ ngân sách năm 2020 đã giải ngân với số tiền là 1.368.114,012 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 87,5% so với kế hoạch vốn giao.

+ Theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/2/2021 của Bộ Tài chính, số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được KBNN Đắk Nông cung cấp vào trước ngày 15/7/2021, làm cơ sở để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo gửi Trung ương; Tổng số kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 (bao gồm cả cấp huyện, xã) được HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là: 2.270.028 triệu đồng. Do đó, đến thời điểm này, Sở Tài chính chỉ nhận được báo cáo giải ngân vốn đầu tư cả tỉnh Đắk Nông của Kho bạc Nhà nước Đắk Nông đến ngày 30/4/2021 trên địa bàn tỉnh đã giải ngân với số tiền là 275.570 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 12,13% so với kế hoạch vốn năm 2021, ước giải ngân đến hết tháng 5 năm 2021 là 20,7% so với kế hoạch.

+ Đối với nguồn vốn kéo dài giải ngân đạt thấp (đến thời điểm báo cáo giải ngân được 4% so với kế hoạch vốn kéo dài) nhưng các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án để có khối lượng giải ngân vốn.

- Về tiết kiệm trong việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành giảm so với giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư là 2.706 triệu đồng đạt 11% so với kế hoạch năm 2021, so với kế hoạch năm 2020 đạt 18%. Việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đã kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các dự án, giảm thiểu được số dự án tồn đọng chưa quyết toán.

a.2) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ, thẩm định dự án đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý quy hoạch trong lĩnh vực xây dựng:

- Về thẩm định dự án đầu tư: Trong 06 tháng đầu năm 2021, tính đến ngày 15/5/2021, tỉnh đã thẩm định 15 hồ sơ, trong đó 10 hồ sơ sử dụng vốn ngân sách nhà nước và nhà nước ngoài ngân sách, 05 hồ sơ thuộc nguồn vốn khác, trong đó: Tổng mức đầu tư xây dựng công trình vốn NSNN và nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách do chủ đầu tư trình thẩm định là 211.200 triệu đồng, tổng mức đầu tư sau khi thẩm định và phê duyệt là 211.200 triệu đồng. Chi phí dự toán chủ đầu tư trình thẩm định là 155.472 triệu đồng, chi phí dự toán xây dựng sau thẩm định là 155.149 triệu đồng, sau khi thẩm định đã cắt giảm 4.593 triệu đồng so với chi phí xây dựng do chủ đầu tư trình đạt tỷ lệ 2,95%, nguyên nhân là do

đơn vị tư vấn thiết kế lập sai sót về khối lượng, áp dụng sai định mức, đơn giá theo quy định, bổ sung các thành phần cơ cấu chi phí và dự phòng phí cho các dự án. Vốn khác 05 hồ sơ với tổng mức đầu tư 409.360 triệu đồng.

- Về cấp giấy phép xây dựng: Trong 06 tháng đầu năm 2021, đã cấp 04 giấy phép xây dựng cho các tổ chức và cá nhân, hướng dẫn cho các nhà đầu tư thực hiện trình tự đầu tư xây dựng; trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp phép xây dựng luôn đúng hoặc trước thời gian quy định, không có hồ sơ quá hạn.

- Về quản lý quy hoạch xây dựng: Thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tiết kiệm chi phí thực hiện quy hoạch. Công tác lập quy hoạch đô thị, tập trung đầu tư xây dựng đô thị, nâng cấp, phân loại đô thị đạt kết quả cao; qua đó đã tác động mạnh mẽ làm thay đổi cách nghĩ, cách làm, chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương và nhân dân trong công tác huy động nguồn lực, vận dụng chính sách, lồng ghép các chương trình để phát triển đô thị; công tác phân loại đô thị đạt kết quả theo lộ trình, tạo điều kiện để thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính các đô thị theo quy định; nhận thức về quy hoạch, phát triển đô thị được đổi mới và từng bước hoàn thiện, đời sống dân cư đô thị được cải thiện đáng kể. Sở Xây dựng đã hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị nhằm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện để triển khai nâng cấp đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng:

- Tổng diện tích trụ sở làm việc 06 tháng đầu năm 2021 đầu kỳ là: 1.197.507m², có diện tích biến động tăng thêm do xây dựng là 381m²; giảm diện tích trụ sở do thanh lý, sắp xếp lại là 484m²; diện tích sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn chế độ là 189.559 m² gây lãng phí trong việc quản lý các trụ sở làm việc.

- Tổng diện tích nhà công vụ 06 tháng đầu năm 2021 là 60.864 m², có diện tích biến động tăng thêm do xây dựng là 197 m²; giảm diện tích trụ sở do thanh lý, sắp xếp lại là 65 m²;

1.5. THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

a) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng đất:

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Tỉnh đã ban hành các Quyết định về kế hoạch sử dụng đất năm 2021 các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Một số nhiệm vụ do vướng mắc liên quan đến các quy định của pháp luật hoặc chưa có quy định cụ thể, Sở Tài nguyên môi trường đã báo cáo UBND tỉnh, xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, tuy nhiên các nội dung trả lời của Bộ còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai (*về lập dự án trên đất có quy hoạch mỏ bauxit, khoảng cách an toàn đối với nhà máy Alumin Nhân Cơ, xử lý đất lấn chiếm, tranh chấp thuộc các nông, lâm trường*).

- Công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Tỉnh đã ban hành 15 Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất, vị trí thuê đất cho các đơn vị

tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 31,62 ha. Thực hiện công tác ký Hợp đồng cho thuê đất đối với 07 tổ chức trên địa bàn tỉnh với 393,07 ha đất, đã trình UBND tỉnh đề nghị thu hồi đất, đồng thời giao đất cho 11 tổ chức trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 197,3 ha; tổ chức thẩm định và thông báo kết quả thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, mục đích sử dụng đất cho 08 dự án trên địa bàn tỉnh; bàn giao đất thực địa cho 6 tổ chức; tỉnh đã ban hành 11 Quyết định liên quan đến xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và phát triển quỹ đất.

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

Trong 06 tháng đầu năm 2021, tỉnh đã cấp 10 giấy phép hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản-tài nguyên nước (trong đó có 06 giấy phép), phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt các công trình đã cấp phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tăng cường quản lý, hoạt động khai thác cát trái phép trên lòng hồ thủy điện Buôn Tua Srah; thực hiện bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trong hoạt động khai thác cát trên địa bàn tỉnh.

c) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

Hiện nay tỉnh chưa lập và phê duyệt được quy hoạch khoáng sản giai đoạn tiếp theo (do vướng quy định của Luật Quy hoạch) đã phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý, thống kê số liệu về khoáng sản thời gian qua.

d) THPTK, CLP trong lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học:

Tỉnh đã ban hành 12 Quyết định liên quan đến việc thành lập hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và 05 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; ban hành “Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”; đang xin chủ trương xây dựng Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030; ban hành Quyết định số 527/QĐ-STNMT ngày 01/4/2021 về việc phê duyệt chương trình Kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021.

1.6. THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 về kế hoạch CCHC năm 2021 trong đó đề ra 06 lĩnh vực cải cách và 77 hoạt động; đồng thời, tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường thực hiện công tác CCHC trong thời gian tới (Công văn số 192/UBND-NCKSTT ngày 12/01/2021 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Báo cáo số 24-BC/TU ngày 22/12/2020; Công văn số 918/UBND-NCKSTT ngày 01/3/2021 về việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC), trên cơ sở đó các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện.

Công tác cải cách hành chính chuyên biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực như: *"Cải cách thể chế; Cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ, công chức; - cải cách Tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính - xây dựng Chính quyền điện tử"*. Hệ thống thể chế khá đồng bộ, thống nhất; đã triển khai cơ chế một cửa ở các cơ quan hành chính nhà nước, tạo sự thuận lợi, liên thông, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được củng cố kiện toàn; bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn được nâng lên; ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ có nhiều chuyển biến. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước được tăng cường.

Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử được kết nối liên thông tới 100% các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã. Tỉnh đã triển khai hệ thống chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị hành chính cùng cấp với các cơ quan, đơn vị hành chính cấp huyện, xã thực hiện trên môi trường mạng. Hệ thống một cửa điện tử (iGate) được triển khai đồng bộ cung cấp thông tin TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Đặc biệt, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh việc triển khai đánh giá Chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị trên phần mềm điện tử nhằm giảm thiểu các chi phí, thuận tiện trong công tác triển khai đánh giá, chấm điểm và xếp loại Chỉ số CCHC hằng năm.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế và Đề án vị trí việc làm:

+ Về chính sách tinh giản biên chế: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ: Nội vụ - Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm 2021 là 06 trường hợp.

+ Về thực hiện Đề án vị trí việc làm: Hiện nay, Sở Nội vụ đang thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định, làm cơ sở bước đầu cho việc xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có cơ cấu phù hợp, chuyên nghiệp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Về đào tạo nguồn lực lao động: Việc triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông năm 2021 đã được các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cơ bản nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ, năng lực cho CBCC, VC từ đào tạo bồi dưỡng; công tác đào tạo bồi dưỡng được gắn liền với quy hoạch và sử dụng cán bộ; cán bộ, công chức, viên chức đã chủ động, tích cực và có ý thức hơn trong học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho bản thân.

- Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức: Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với ngạch, chức danh theo quy định.

- Về công tác bổ nhiệm: Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Việc sử dụng thời gian lao động: Hiện nay, việc sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc của cơ quan được thực hiện khoa học, hợp lý; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đối tượng tham dự và tiết kiệm thời gian không lãng phí. Tăng cường việc tổ chức hội nghị, họp trực tuyến để giảm tối thiểu chi phí đi lại; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng thời gian lao động tương đối hiệu quả.

- Việc chấp hành kỷ luật lao động: Cơ quan đã xây dựng Quy chế làm việc, trong đó có quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Hiện nay, các doanh nghiệp trên địa bàn nhìn chung đang khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhiều công ty không còn năng lực hoạt động do từ đầu năm đến nay, đại dịch Covid -19 ảnh hưởng đến năng suất sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước kém hiệu quả, nợ khó đòi chiếm tỷ lệ lớn trong vốn chủ sở hữu.

- Về cơ cấu lại phương án sản xuất kinh doanh; chiến lược phát triển doanh nghiệp: Tập trung hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, phát triển nguồn nhân lực chiến lược để phát triển công ty bền vững; tiếp tục quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; tập trung đầu tư, mở rộng các ngành nghề kinh doanh mới phục vụ sản xuất kinh doanh như: sản xuất dừa xuất khẩu; ươm giống cây trồng, trồng cây công nghiệp như cao su, điều, mắc ca, phát triển trồng cây dược liệu; đầu tư phát triển nông lâm kết hợp...

- Tình hình cơ cấu lại quản trị doanh nghiệp, ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật: Việc sắp xếp, kiện toàn lại nhân sự quản lý của các công ty về cơ bản hoàn thành việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Chủ tịch, Giám đốc, kiểm soát viên bảo đảm công ty tổ chức mô hình quản lý theo Luật Doanh nghiệp năm 2014; Để hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty được linh hoạt, minh bạch và hiệu quả. Các đơn vị đã ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể như: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc của Công ty, các phòng ban; Quy chế quản lý bảo vệ rừng; Quy chế trả lương, thưởng; hệ thống thang lương, bảng lương,...

- Tổng số vốn chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp: Theo kế hoạch năm 2021: Số đầu kỳ là: 2.913.246 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 2.916.589 triệu

đồng; kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2021: Số đầu kỳ là: 2.893.962 triệu đồng; số cuối kỳ là: 2.823.477 triệu đồng;

- Nợ phải thu khó đòi tại các doanh nghiệp năm 2021: Theo kế hoạch năm 2021: Số đầu kỳ là: 65.098 triệu đồng; số cuối kỳ là: 71.352 triệu đồng; kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2021 là: Số đầu kỳ là: 65.098 triệu đồng; số cuối kỳ là: 68.362 triệu đồng;

b) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Một số DNNN được giao quản lý khai thác các công trình thủy lợi đã thực hiện tiết kiệm, điều tiết lượng nước tại các công trình trên để phục vụ cho việc tưới nước mùa khô, chống hạn kịp thời cho diện tích đất canh tác nông nghiệp.

- Một số DNNN được giao quản lý, bảo vệ diện tích rừng thường xuyên tuần tra, bảo vệ nhằm hạn chế các vi phạm phá rừng, lấn chiếm đất rừng. Các doanh nghiệp trên đã thực hiện đóng cửa rừng, không khai thác theo Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững tại khu vực Tây Nguyên.

- Các doanh nghiệp thường xuyên rà soát cơ sở vật chất, kỹ thuật để khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả tài sản, thiết bị hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đầu tư xây dựng theo quy định để có giải pháp kịp thời nhằm tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí, kiểm soát tiến độ và giải ngân kịp thời quản lý chặt chẽ kinh phí mà ngân sách nhà nước đã hỗ trợ. Xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn.

- Quy chế quản lý công nợ đã được Công ty ban hành phục vụ cho công tác quản lý điều hành và quản lý công nợ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi.

c) THPT, CLP tại các doanh nghiệp nhà nước: Trong 06 tháng đầu năm 2021 các doanh nghiệp đã tiết kiệm được 1.923 triệu đồng, trong đó:

- Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu: 56 triệu đồng;
- Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: 72 triệu đồng;
- Tiết kiệm chi phí quản lý: 1.695 triệu đồng;
- Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật: 100 triệu đồng.

d) Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước:

d.1) Công tác thoái vốn:

Thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020; Ngày 04/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Quản lý sửa chữa đường bộ Đắc Nông (theo hình thức chào bán cạnh tranh). Hiện nay, Sở Tài chính - Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp tỉnh đang triển khai công tác chào bán cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

d.2) Công tác giải thể:

Chưa tiết kiệm được thời gian, lý do đến nay vẫn còn một số doanh nghiệp vẫn chưa hoàn thành công tác giải thể vì thiếu cán bộ thực hiện công tác giải thể; vướng mắc trong công tác xử lý công nợ; không có nguồn trả lương cán bộ tham gia công tác giải thể.

1.8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

a) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

a.1) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Trong 06 tháng đầu năm các DNNN không đầu tư xây dựng trụ sở mới. Bên cạnh đó, các DNNN đã bảo quản, sử dụng không để xảy ra hư hỏng, mất mát tại trụ sở của đơn vị. Tận dụng tối đa việc sử dụng trụ sở để phục vụ cho việc kiện toàn sắp xếp các phòng ban để bố trí làm việc phù hợp với trụ sở làm việc hiện có.

a.2) THTK, CLP trong sản xuất kinh doanh:

- Kiểm soát chặt chẽ, chi phí hoạt động, chi phí quản lý, triệt để tiết kiệm chi phí thường xuyên nhất là các khoản chi: tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, tiếp khách ... thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí xăng dầu, điện nước, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

- Về tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu: thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát, sửa chữa hư hỏng ngay khi mới phát sinh làm tiết kiệm được một phần chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, nhân lực làm giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Về tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp: Thực hiện tiết giảm từ 5% trở lên, tất cả cán bộ, công nhân viên, người lao động quản lý tăng chất lượng, hiệu quả công việc đạt kết quả cao, hạn chế đi lại nhiều lần để giải quyết cùng một công việc, sử dụng công cụ, vật tư, máy móc thiết bị hiệu quả, không trang bị thêm máy móc thiết bị làm việc khi không cần thiết.

a.3) THTK, CLP trong tiêu dùng của nhân dân:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*" thực hành tiết kiệm trong mua sắm và tiêu dùng.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường, giá cả, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là các thời điểm mùa vụ, các dịp lễ, tết. Bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, nhất là những thời điểm khó khăn, thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu hàng hóa, ngăn chặn và có biện pháp xử lý nghiêm việc nhập khẩu các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

- Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/9/2017 về việc tăng cường tiết kiệm điện để chỉ đạo các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các hộ sử dụng điện sinh hoạt tăng cường công tác tiết kiệm điện;

hướng dẫn các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 15/9/2017; đồng thời, chỉ đạo Công ty Điện lực Đắk Nông phối hợp với UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về tiết kiệm điện của người dân, tổ chức.

b) THPT,CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không.
- Số vụ việc đã được xử lý: Không.
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không.

3. Phân tích, đánh giá:

3.1. Đánh giá kết quả đạt được:

- Nhìn chung, tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các đơn vị đã có những chuyển biến tích cực; công tác THPT, CLP đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời; công tác tuyên truyền và thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP trong các lĩnh vực được đẩy mạnh.

- Nhận thức và hành động của đa số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên. Qua đó đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh và phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, hành vi lãng phí.

- Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cơ bản đúng theo chế độ, định mức nhà nước ban hành và quy chế chi tiêu nội bộ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan; thông qua kinh phí tiết kiệm đã cải thiện để thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong từng cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành; sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả. Trình tự, thủ tục mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công thực hiện theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp.

- Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng công theo đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị. Tài sản được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, chống lãng phí.

3.2. Những tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về THPT-CLP tại một số cơ quan, địa phương chưa thật sự triệt để, chưa chủ động và quyết liệt trong việc triển khai thực hiện Chương trình THPT-CLP.

Trong công tác xây dựng Chương trình THPT, CLP vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch dẫn đến việc đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện chưa đạt hiệu quả cao; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị báo

cáo chậm so với thời hạn quy định; số liệu báo cáo không đầy đủ theo biểu mẫu quy định dẫn đến công tác tổng hợp trên địa bàn toàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới ở một số nơi chưa được quyết liệt, còn trong tình trạng nể nang, né tránh đối với một số biểu hiện vi phạm, mới chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở, dôn đốc, chưa có chế tài răn đe, hiệu quả phát hiện các hành vi lãng phí trong quá trình tự thanh tra, kiểm tra của các đơn vị còn thấp.

- Một số cán bộ, công chức đã được quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP nhưng còn chậm trong thay đổi nhận thức và hành động dẫn đến một số nội dung kinh phí tiết kiệm chưa đạt kết quả đề ra.

- Việc triển khai công tác THTK, CLP của các Công ty TNHH MTV và Công ty cổ phần có sử dụng vốn của Nhà nước đạt kết quả chưa cao, việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo chưa có nề nếp, chất lượng báo cáo còn hạn chế, chưa đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra, việc THTK, CLP là góp phần thiết thực, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức được tầm quan trọng và chưa chủ động trong công tác kê khai quản lý, sử dụng tài sản công.

- Định mức kinh tế kỹ thuật của một số DNNN còn đang trong quá trình điều chỉnh nên vẫn áp dụng định mức cũ có nhiều bất cập chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Trách nhiệm, sự quan tâm, chú trọng việc thực hiện Luật THTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự đúng mức, chưa có chế tài thích đáng đối với những trường hợp gây lãng phí. Từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện THTK, CLP.

- Một số định mức chi tiêu chưa phù hợp với tình hình thực tế gây khó khăn trong việc thực hiện. Cơ chế quản lý giám sát tài sản, đất đai, tài nguyên,... còn lỏng lẻo, việc công khai minh bạch nhiều lĩnh vực còn hạn chế dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí, tài sản, đất đai... chưa cao.

- Do tác động của yếu tố khách quan như: Nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm tăng, kinh phí thì hạn hẹp; giá cả một số mặt hàng tăng so với năm trước, tình hình dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp nên số tiền thực hiện tiết kiệm không lớn.

- Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khắc phục được tình trạng lãng phí trong tổ chức bộ máy và sử dụng lao động.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP 06 tháng đầu năm 2021.

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2021 của UBND tỉnh đã đề ra; phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể hóa các chỉ tiêu tiết kiệm (bằng số liệu cụ thể) và

đưa ra các giải pháp sát thực tế để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã xây dựng;

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội và phân đầu đảm bảo hoàn thành dự toán ngân sách năm 2021; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các mục chi theo dự toán, tiết kiệm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Đối với các khoản chi lớn, đưa ra nhiều phương án lựa chọn tối ưu để thực hiện;

- Xác định THPTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các huyện và thành phố, các Công ty TNHH MTV vốn 100% của Nhà nước; xây dựng và củng cố đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm tiết kiệm và phòng chống tham nhũng, lãng phí;

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, các ngành nhằm nâng cao ý thức chấp hành và thực hiện tốt công tác THPTK, CLP trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo thẩm quyền.

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1 Về lãnh đạo, điều hành:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu thực hiện và chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở như: Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc THPTK, CLP; mọi hành vi vi phạm, gây lãng phí xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2. Về công tác cải cách hành chính:

- Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện CCHC của các cấp, các ngành gắn với THPTK, CLP trong các lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước thông qua việc triển khai thực hiện Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên Internet; ban

hành và triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025 theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện cấp bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm triệt để các thủ tục hành chính còn chồng chéo, vướng mắc, không cần thiết trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan mình; khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2021.

- Tiếp tục đổi mới lề lối phương thức làm việc thông qua việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử liên thông 4 cấp chính quyền; chuyển đổi từng bước việc điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP; đẩy mạnh hình thức họp trực tuyến; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

2.3. Về việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:

- a) Tổ chức điều hành dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách:

Tiếp tục cải cách công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước (bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư) gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan (cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu ngân sách nhà nước.

Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình về ngân sách nhà nước.

- b) Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền và triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn. Đẩy mạnh quản lý, giám sát hiệu quả sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ; có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để giảm thiểu chi phí vay. Nâng cao trách nhiệm giải trình của các Sở, ngành, địa phương đối với hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay công.

- c) Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công để thực hiện các giao dịch về tài sản (như: bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng,...) đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công.

Ban hành kịp thời tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng theo thẩm quyền để làm cơ sở lập kế hoạch, dự toán, quản lý, bố trí sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm.

d) Xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phấn đấu đồng thời gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

2.4 Về công tác cổ phần hóa và thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước:

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Tăng cường minh bạch thông tin đối với tất cả các doanh nghiệp nhà nước theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với công ty đại chúng; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước; nghiên cứu, đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước theo từng loại hình, lĩnh vực, địa bàn hoạt động đặc thù của doanh nghiệp. Triển khai tích cực, có hiệu quả Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp nhằm cắt giảm triệt để các chi phí bất hợp lý trong tuân thủ quy định pháp luật về kinh doanh, đẩy lùi và ngăn chặn các hành vi làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

2.5 Về cải cách bộ máy hành chính nhà nước:

Tiếp tục thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Khóa XII. Rà soát các văn bản hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp, khắc phục những hạn chế, vướng mắc và bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ làm căn cứ cho việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động hiệu quả và làm cơ sở để thực hiện cải cách tiền lương.

Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ

cán bộ, công chức, viên chức; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp của tỉnh theo đúng lộ trình của Trung ương và UBND tỉnh. Thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và pháp luật nhà nước. Thực hiện việc nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định hiện hành.

2.6. Về lĩnh vực đất đai:

Nâng cao chất lượng thẩm định nhu cầu sử dụng đất, tham mưu UBND tỉnh về các thủ tục giao đất, thu hồi đất; bàn giao thực địa cho các tổ chức có Quyết định giao đất, cho thuê đất; Tiếp tục tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác, giao đất, thu hồi đất sau thanh tra, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ đất sạch; trình UBND tỉnh đề nghị cho thuê, thu hồi đất đối với các tổ chức; Thực hiện việc thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự theo quy định.

2.7. Về lĩnh vực khoáng sản:

Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện để tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động khoáng sản – tài nguyên nước; tăng cường công tác bảo vệ, quản lý khoáng sản chưa khai thác; Nghiên cứu, đề xuất phương án tháo gỡ vướng mắc đối với việc thực hiện các dự án đầu tư trên đất đã được quy hoạch khoáng sản.

- Xây dựng kế hoạch khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định.

- Khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giải pháp, khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Krông Nô; đề xuất giải pháp quản lý sử dụng đá ba gian dạng trụ, cột.

- Triển khai phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; công tác cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật.

2.8. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: Phối hợp, tổ chức hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về các vấn đề môi trường; tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, phản ánh về môi trường của các tổ chức, cá nhân; kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và y tế trên địa bàn, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành tổ chức nộp phí bảo vệ môi trường của các đơn vị theo quy định. Tổ chức kiểm tra các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển, chủ xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.

- Tiếp tục xây dựng đề cương Chương trình giám sát tăng cường tác động môi trường xung quanh đối với hoạt động khai thác bô - xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021; xây dựng Chương trình Kiểm soát ô nhiễm năm 2021; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6, ngày Quốc tế Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

2.9 Về lĩnh vực đầu tư:


Tập trung bố trí vốn cho những công trình, dự án trọng điểm thật sự bức xúc hoặc còn thi công dở dang; kiên quyết không bố trí cho những công trình, dự án không đảm bảo thủ tục; đình, hoãn hoặc giãn tiến độ đối với những công trình, dự án chưa thật sự thiết thực; hủy bỏ không đầu tư những công trình, dự án nếu phát hiện kém hoặc không hiệu quả theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2.10. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng:

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; theo dõi, rà soát, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; triển khai thực hiện Công văn số 907/TTCP-KHTH ngày 12/6/2020 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

Tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra và đôn đốc sau thanh tra về việc chấp hành các quyết định thu hồi, kiến nghị, xử lý sau thanh tra đã có hiệu lực; Đồng thời, chủ động gắn công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo với công tác THTK, CLP.

Trên đây là báo cáo kết quả về thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

(Gửi kèm Phụ lục báo cáo kết quả công tác THTK, CLP 06 tháng đầu năm 2021, kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2021). 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (...).

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC SỐ 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
KỶ BÁO CÁO: 06 tháng năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	54	58	45			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ sửa đổi, bổ sung	Văn bản	40	37	20			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	48	50	27			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	3	1	2			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	12	0	11			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		107.878	106.344	105.100			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	250	1.634	225			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	107.313	104.650	104.650			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	315	60	225			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		14.350	9.188	6.569			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		5.477	5.819	2.788			
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	726	769	473			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoản chi được duyệt
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	376	468	237			
	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	355	569	290			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng	616	645	305			
	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	271	339	166			
	Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	1.064	802	409			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	904	591	326			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng	511	928	355			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	Triệu đồng	654	708	227			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		587	1.506	1.170			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	502	1.461	1.124			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	85	45	46			
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	85	10	11			
	Thương thảo hợp đồng	Triệu đồng	0	0	0			
	Các nội dung khác	Triệu đồng	0	35	35			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	8.050	1.863	2.608			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoản chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia	Triệu đồng	36	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	200	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	0	0	3			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	Triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	231	220	220			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	50	2	24			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện (kiến nghị thu hồi nộp NSNN)	Triệu đồng	264	40	138			
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	Triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		385	392	360			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có dấu ký	Chiếc	304	270	245			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, điều chuyển)	Chiếc	7	7	5			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	16	17	15			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	58	57	54			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	41	41			
2	Tài sản khác		169	117	2			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	94	12	2			
2.2	Số lượng tài sản trạng bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	5	5	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	70	100	0			
3	Các nội dung khác							
	Số tiền tiết kiệm được		89	100	28			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án	0	0	1			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	29.293	79.642	62.144			
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	6.988	5.693	7.412			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	1.239	42.850	42.985			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	335	13	13			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	20.693	30.884	11.531			
	- Các nội dung khác	Triệu đồng	37	202	202			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	1.563.025/1.368.114	2.270.456	275.998			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	1	0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	Số lượng	Dự án	0	0	0			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có dấu ký	m ²	1.673.185	1.153.014	1.597.507			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	4.650	2.744	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	585	326	484			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	189.559	189.559	189.559			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có dấu ký	m ²	64.349	60.800	60.864			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	180	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	118	65	65			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m ²	77.370.980	300	22			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m ²	77.373.660	300	22			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	222	170	20			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	412	730	273			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	1.434	5.000	599			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		2.656	1.470	1.923			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	121	116	56			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	113	90	72			
	<i>Tiết kiệm điện</i>	<i>Kwh</i>	16.454	8.480	7.465			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Lít</i>	4.083	2.700	3.202			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	2.322	1.164	1.695			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	100	100	100			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	0	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng	Triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	0	0	13			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	0	0	0			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	Triệu đồng	1.135	0	365			
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh</i>	<i>Triệu đồng</i>	58	0	98			
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>Triệu đồng</i>	1.077	0	267			
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Dự án</i>	0	0	0			
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
3.1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 06 tháng năm 2021	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
3.2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0	0	0			
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	12	11	14			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	1	0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
5.1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	58.973	65.098	65.098			
5.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	65.098	71.352	68.362			
6	Vốn chủ sở hữu							
6.1	Số đầu năm	Triệu đồng	2.819.183	2.913.246	2.893.962			
6.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	2.899.995	2.916.589	2.823.477			
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ	36.132	37.513	55.509			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	63		80			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	33		60			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	163 tổ chức và 2.386 cá nhân	58	153 tổ chức và 59 cá nhân			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	470 tổ chức, cá nhân		51 tổ chức, 25 cá nhân			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	55.882,5 triệu đồng, sai phạm về rừng 1.134,5 ha, đất 305,1m ²		13.710,5			
5.1	Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng						
5.2	Diện tích đất rừng bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Ha						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	755		637			
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP	người	0		0			
	Xử lý hành chính, kỷ luật	người	30 tập thể, 34 cá nhân		Kiểm điểm 22 tổ chức, 17 cá nhân			
	Xử lý hình sự	Vụ việc	Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 07 vụ việc	0	Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 02 vụ việc			